

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 538/2025/HS-ST
Ngày 29-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Tiếp;

Ông Võ Đức Thành;

Ông Hồ Hữu Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Minh Như - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4829/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T; sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi thường trú: khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); nơi tạm trú: khu phố V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn (văn hóa): 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961 và bà Cổ Thị L, sinh năm 1966; bị cáo có vợ tên Dương Thị T1 (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh năm 2019. Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 27/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng, theo Quyết định số 62. Đến ngày 16/12/2021 chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Lý Thanh N; sinh năm 1993 tại tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai);

nơi thường trú: tổ I, ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước (Nay là xã T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn (văn hóa): 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Con ông Đặng Hồng B1, sinh năm 1956 (chết) và bà Lý Minh X, sinh năm 1956 (chết); bị cáo có 01 con sinh năm 2019; tiền sự: Không; tiền án: bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Đánh bạc, theo Bản án số 53/2022/HS-ST ngày 05/9/2022.

Nhân thân: Năm 2013, Ủy ban nhân dân thị xã T quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 24 tháng, theo Quyết định số 4222 ngày 15/7/2013. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Nguyễn Hữu B2; sinh năm 1990 tại Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn B3, sinh năm 1968 và bà Lê Thị T2, sinh năm 1968; bị cáo có vợ: Nguyễn Thị H (chưa đăng ký kết hôn); có 01 người con, sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, theo Bản án số 41 ngày 03/6/2014.

- Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng, theo Quyết định số 04 ngày 19/01/2017.

- Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 16 tháng, theo Quyết định số 59 ngày 14/10/2019.

- Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Bản án số 13 ngày 23/01/2024.

- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo Bản án số 137/2024/HS-ST ngày 10/7/2024. Chấp hành án tại Trại giam Đ1, tỉnh Đắc Nông. Bị cáo có mặt.

4. Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1989 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: khu phố D, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở hiện tại: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn (văn hóa):

12/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Kim L1, sinh năm: 1970; bị cáo có vợ Minh T4, sinh năm 1995 (chưa đăng ký kết hôn); có 02 người con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 21/6/2017, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng, theo Quyết định số 22. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Ngọc T:* Ông Bùi Xuân N1 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt, có gửi bài bào chữa);

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hữu B2:* Ông Nguyễn T5, Văn phòng Luật sư Nguyễn T5 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H). (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lý Thanh N:* Bà Mai Thị K - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (nay là Đoàn Luật sư Thành phố H); (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Uông Văn T6, sinh năm 1998; (vắng mặt).
2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1990; (vắng mặt).
3. Ông Đoàn Văn T7, sinh năm 1992; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T, Lý Thanh N, Nguyễn Tiến T3 và Nguyễn Hữu B2 có quan hệ quen biết nhau, là những người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Từ khoảng tháng 01/2023, N mua ma túy của người tên B4 (không xác định được lai lịch) ở Thành phố Hồ Chí Minh từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, phân nhỏ bán cho các đối tượng sử dụng ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Dương với giá từ 1.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng. Trong đó, N nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hữu B2, Nguyễn Tiến T3 và nhiều người khác không rõ nhân thân, lai lịch tại khu vực thành phố T, thành phố T và thành phố T. N sử dụng số điện thoại 0374 891 268 và tài khoản Zalo tên “Vui vẻ không quạo” để liên lạc bán ma túy, sử dụng tài khoản số 19036639171014 tại Ngân hàng thương mại cổ phần K1 (Ngân hàng T11) để nhận tiền mua ma túy. Ngoài ra, N còn nhờ T bán ma túy để lấy tiền công từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng tùy vào số lượng bán được. N gửi ma túy cho T cất giấu để bán cho người mua theo yêu cầu của N. Khi có người gọi điện thoại mua ma túy, N liên lạc yêu cầu Tín phân ma túy, đóng thành gói hàng và thuê dịch vụ giao nhận hàng để giao cho

người mua, nếu ở gần nhà thì T trực tiếp đi giao. Tiền bán ma túy T chuyển vào tài khoản ngân hàng của N tại Ngân hàng T11. Đối với những người hỏi T mua ma túy, T lấy ma túy của N đi bán rồi thông báo cho N biết, tiền gốc giao lại cho N, còn tiền lời T được hưởng. Đến khoảng cuối tháng 10/2023, T không bán ma túy cho N nữa mà mua ma túy của đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch ở phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương để bán lại.

Tín sử dụng số điện thoại 0937738707 và số 0785744868 để liên lạc mua bán ma túy. Tín đã bán ma túy nhiều lần, cho nhiều người nhưng hầu hết không rõ nhân thân, lai lịch, mỗi lần bán với giá thấp nhất là 300.000 đồng và cao nhất là 2.000.000 đồng. Trong đó, T xác định bán ma túy cho Nguyễn Hữu B2 01 lần, Nguyễn Tiến T3 02 lần, người tên T8 ở phường T 02 lần, mỗi lần 300.000 đồng; người tên T9 ở phường T 02 đến 03 lần, mỗi lần từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng... Cụ thể như sau:

- Khoảng đầu tháng 6/2023, Nguyễn Hữu B2 liên lạc với N mua 500 số (tương đương 50 gam) ma túy với giá 16.000.000 đồng, N đồng ý và hẹn B2 khoảng 18 giờ cùng ngày đến nhà của T nhận ma túy. N liên lạc với B4 (không xác định được lai lịch) sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh mua 700 số (tương đương 70 gam) ma túy với giá 20.000.000 đồng, N yêu cầu B4 gửi ma túy qua dịch vụ giao nhận hàng, ghi tên người nhận là N, địa chỉ và số điện thoại của T. N liên lạc với T yêu cầu nhận ma túy, phân 500 số giao cho B2, còn 200 số giữ lại để bán lẻ. Sau đó, T nhận được hộp giấy, mở ra bên trong có 01 bìch ma túy, rồi phân vào túi nylon 500 số ma túy (khoảng 50 gam). Tín bỏ túi ma túy vào hộp giấy do N gửi đến và bỏ thêm một lọ nhựa (loại đựng thuốc uống), một vỏ hộp thuốc có ghi chữ Khương Thảo Đ rồi dùng băng keo dán kín bên ngoài. Tín bỏ hộp giấy bên trong có ma túy vào túi nylon có quai màu đỏ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, B2 đến gặp T ở khu vực đường nhựa trong Khu công nghiệp Đ, thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (cách nhà T ở khoảng 01km) nhận hộp giấy có chứa ma túy. Khi đến nhận ma túy, B2 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số), mặc quần Jean màu xanh, áo khoác dài tay màu đen. Sau đó, B2 gọi điện thoại báo cho T biết trên đường về B2 làm rơi hộp giấy có ma túy xuống đường, B2 quay lại tìm nhưng không tìm thấy.

Bà Nguyễn Thị Phương trình B5: khoảng hơn 20 giờ 40 phút ngày 09/6/2023, bà P điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường Đ, thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì có hai người điều khiển 02 xe mô tô (không xác định được biển số) chạy song song với tốc độ cao, làm rơi xuống đường 01 hộp giấy hình chữ nhật có quai băng keo (dạng gói hàng) nên nhặt đem về nhà tại xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương. Bà P mở hộp giấy thì thấy bên trong có 01 hộp thuốc trị xương khớp ghi chữ Khương Thảo Đ, 01 lọ thuốc bên trong không có gì và 01 gói nylon hàn kín có chứa chất tinh thể màu trắng. Bà P nghi ngờ là chất ma túy nên đến Công an xã H, huyện B trình báo vụ việc và giao nộp gói nylon chứa tinh thể màu trắng.

Theo Kết luận giám định số 320 ngày 13/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh

B xác định: Mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định (do bà P giao nộp) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 49,64 gam.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu B2 không thừa nhận việc mua ma túy của Lý Thanh N do T giao, sau đó làm rơi và bà Nguyễn Thị Phương N2 được ngày 09/6/2023. Bá chỉ thừa nhận nhiều lần mua ma túy của N để sử dụng, không phải để bán cho người nghiện khác. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Nguyễn Hữu B2 thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng truy tố. Trong đó, bị cáo khai nhận mua 16.000.000đ của Lý Thanh N, sau đó Tín giao cho bị cáo, trên đường chạy về thì bị cáo làm rơi, sau đó bị cáo gọi điện báo cho T biết. Mục đích mua ma túy của bị cáo B2 là để sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện khác trong đó có bán cho Đoàn Văn T7 và đối tượng T10. Ngoài ra, lời khai của Đoàn Văn T7 (bị khởi tố về tội mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án khác) khai từ tháng 5/2023 đến tháng 7/2023, T7 mua ma túy của B2 khoảng hơn 10 lần để sử dụng. Căn cứ vào lời khai của Lý Thanh N, Nguyễn Ngọc T, lời khai của Đoàn Văn T7 phù hợp với sao kê tài khoản ngân hàng của N, B2, T7, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định.... đủ căn cứ xác định: Nguyễn Hữu B2 mua 49,64 gam ma túy của N do T giao, sau đó làm rơi trên đường đi và bà P nhặt được đem đến giao cho Công an xã T ngày 09/6/2023.

- Nguyễn Tiên T3 là người nghiện ma túy, có quan hệ quen biết với T và N. Ngày 20/10/2023, T3 gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy với giá 500.000 đồng, T đồng ý và hẹn đến khu vực đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giao nhận ma túy. Khi gặp nhau, T giao cho T3 01 gói ma túy trong gói nylon hàn kín và nhận 500.000 đồng. Sau đó, T3 nhận ma túy đem về sử dụng.

Đến ngày 01/11/2023, T3 tiếp tục sử dụng ứng dụng Zalo liên lạc với T mua 3.000.000 đồng ma túy để sử dụng, T đồng ý. T3 dùng tài khoản số 050394865350 tại Ngân hàng S chuyển 3.000.000 đồng đến tài khoản số 103878029785 của T tại Ngân hàng thương mại cổ phần C1. Sau khi nhận tiền, T khai đi đến khu vực phường A, thành phố T mua của đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch 01 gói ma túy giá 2.300.000 đồng. Tín giấu ma túy vào vỏ bao thuốc lá hiệu Jet, rồi bỏ vào hộp giấy đóng gói thành gói hàng và gửi cho T3 qua dịch vụ giao nhận hàng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, ông Uông Văn T6 (là nhân viên giao hàng) giao gói hàng bên trong có ma túy cho T3 tại khu vực nhà T, đường D, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Lúc này, T3 bị lực lượng Công an huyện B bắt quả tang cùng tang vật là 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có tinh thể màu trắng.

Theo Kết luận giám định số 606 ngày 09/11/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B xác định: Mẫu tinh thể màu trắng thu giữ của T3 là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 4,8333 gam.

Từ khoảng tháng 01/2023 đến tháng 10/2023, N bán ma túy cho T khoảng 03 lần/tuần, mỗi lần từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, bán cho T3 khoảng 05 lần, mỗi lần từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, bán cho B2 khoảng 03 lần mỗi lần từ 8.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng. N khai thu lợi bất chính từ việc

mua bán ma túy khoảng 15.000.000 đồng.

Từ khoảng tháng 02/2023 đến tháng 11/2023, T bán ma túy cho T3 khoảng 02 lần, mỗi lần từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng, bán cho các đối tượng khác không xác định được lai lịch nhiều lần, giúp N bán ma túy cho B2 01 lần với giá 16.000.000 đồng, T khai thu lợi bất chính khoảng 25.000.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ:

- + 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng;
- + 01 (một) điện thoại Xs Max của Nguyễn Tiến T3;
- + 01 (một) hộp giấy, 01 (một) hộp thuốc lá hiệu Jet và 01 (một) hộp quẹt màu xanh của Nguyễn Tiến T3.
- + 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng;
- + 01 (một) hộp giấy đã khai bên ngoài mặt có ghi thông tin người nhận tên N, số điện thoại 0937738707, địa chỉ: Đường A, T, T, tên gói hàng là mỹ phẩm;
- + 01 (một) hộp thuốc nhựa ghi chữ Khương Thảo Đo;
- + 01 (một) vỏ hộp thuốc trị xương khớp ghi Khương Thảo Đo;
- + 02 (hai) túi nylon (đã rách) màu hồng và 01 mảnh nylon màu trắng (loại nylon chống sốc);
- + 01 (một) điện thoại di động iPhone 6 Plus của Nguyễn Ngọc T.

Tại Cáo trạng số: 161/CT-VKSBD-P1 ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo như sau:

- Nguyễn Ngọc T, Lý Thanh N, Nguyễn Hữu B2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Nguyễn Tiến T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định mà cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Lý Thanh N, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Hữu B2 phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại

điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lý Thanh N, Nguyễn Tiến T3 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Hữu B2 quá trình điều tra không thành khẩn, nhưng tại phiên tòa thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm đặc biệt nghiêm trọng của hành vi phạm tội, hậu quả gây ra, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát thấy rằng mức án đối với bị cáo phải nghiêm khắc, tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm, đủ sức răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T: áp dụng điểm b khoản 3, khoản 6 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 18 năm đến 19 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; và phạt bổ sung 15.000.000đ.

- Đối với bị cáo Lý Thanh N: áp dụng điểm b khoản 3, khoản 6 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lý Thanh N từ 18 năm đến 19 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tổng hợp với hình phạt 3 năm tù của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước. Đồng thời đề nghị phạt bổ sung 20.000.000đ.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hữu B2: áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B2 từ 17 năm đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Tổng hợp với hình phạt của bản án số 137/2024/HS-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo B2 chấp hành hình phạt chung của 2 bản án. Đồng thời phạt bổ sung 10.000.000đ.

- Đối với Nguyễn Tiến T3: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T3 từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động iPhone 6 Plus của Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại Xs Max của Nguyễn Tiến T3;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng; 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 hộp giấy đã khai bên ngoài mặt có ghi thông tin người nhận tên N, số điện thoại 0937738707, địa chỉ: đường A, T, T, tên gói hàng là mỹ phẩm; 01 hộp thuốc nhựa ghi chữ Khương

Thảo Đ; 01 vỏ hộp thuốc trị xương khớp ghi Khương Thảo Đ; 02 túi nylon (đã rách) màu hồng và 01 mảnh nylon màu trắng (loại nylon chống sốc); 01 hộp giấy, 01 hộp thuốc lá hiệu Jet và 01 hộp quạt màu xanh của Nguyễn Tiến T3.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự đề nghị tuyên: buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp số tiền 25.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy; buộc bị cáo Lý Thanh N phải nộp số tiền 15.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy.

**Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T, Luật sư Bùi Xuân N1 gửi bản luận cứ bào chữa, có nội dung như sau:* không có ý kiến về tội danh và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được Hội đồng xét xử lưu tâm như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; về nhân thân, bị cáo lần đầu phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo tuổi đời còn trẻ, trình độ học vấn còn hạn chế (7/12), thiếu nhận thức pháp luật; về hoàn cảnh gia đình, bị cáo xuất thân trong gia đình lao động nghèo khó, cha mẹ già yếu, kinh tế bấp bênh, bị cáo chưa có được sự giáo dục, định hướng đầy đủ, dẫn đến hành vi phạm pháp. Bản thân Bị can có một con nhỏ sinh năm 2019, đang rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cả cha lẫn mẹ. Về tính chất của hành vi phạm tội, việc phạm tội mang tính chất vụ lợi nhỏ lẻ, tổng số tiền thu lợi bất chính chỉ khoảng 25 triệu đồng; không phải là người tổ chức, cầm đầu, không có thủ đoạn tinh vi, hành động chủ yếu theo sự chỉ đạo của bị cáo N. Qua đó, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất có thể trong khung hình phạt mà pháp luật quy định, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải.

** Người bào chữa cho bị cáo Lý Thanh N, Luật sư Mai Thị K trình bày luận cứ bào chữa:* về tội danh của bị cáo, người bào chữa không tranh luận, ngoài tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ khác như: bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt nhẹ nhất có thể.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu B2, Luật sư Nguyễn T5 trình bày luận cứ bào chữa:* thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo Nguyễn Hữu B2. Về mức hình phạt 17 (mười bảy) đến 18 (mười tám) năm tù, người bào chữa xin Hội đồng xét xử xem xét: Về thái độ của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo có sự nhận thức lại vấn đề, có sự chuyển biến trong nhận thức và đã khai báo rất thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải có sự chuyển biến, đồng thời bị cáo có con còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo một mức án nhẹ nhất theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thống nhất với lời bào chữa, không tranh luận và không bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh), hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của họ được công bố tại phiên tòa, việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Người bào chữa chỉ định của bị cáo Nguyễn Ngọc T xin vắng mặt và đã gửi bài bào chữa cho bị cáo, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: từ khoảng tháng 01/2023 đến tháng 10/2023, Lý Thanh N nhiều lần mua ma túy, phân nhỏ bán lại với giá từ 1.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng cho những người nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Nguyễn Ngọc T giúp N nhận ma túy, phân ma túy và giao ma túy cho người mua theo yêu cầu của N để được trả tiền công. Khoảng đầu tháng 6/2023, N gửi ma túy cho T bán cho Nguyễn Hữu B2 49,6400 gam Methamphetamine, sau đó trên đường đi Bá làm rơi và bà Nguyễn Thị Phương N2 được nên đem giao nộp cho Công an xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương ngày 09/6/2023. Ngoài ra, N bán ma túy cho T 03 lần, T3 05 lần, Bá 03 lần, thu lợi bất chính 15.000.000 đồng. Từ khoảng tháng 02/2023 đến tháng 11/2023, T mua ma túy của N và đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch ở phường A, thành phố T bán cho N3 Tiến Trọng 02 lần và các đối tượng khác không xác định được lai lịch nhiều lần, thu lợi bất chính 25.000.000 đồng. Từ khoảng tháng 5/2023 đến tháng 7/2023, Nguyễn Hữu B2 bán ma túy cho Đoàn Văn T7 10 lần.

Khoảng 20 giờ ngày 01/11/2023, Nguyễn Tiến T3 đang nhận ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 4,8333 gam, mua của Nguyễn Ngọc T thông qua dịch vụ giao hàng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

[4] Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, mà trực tiếp là hành động mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ vận chuyển trái phép chất ma túy đã xâm phạm trật tự an toàn xã hội được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng tiêu cực đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy mà Nhà nước ta đang tiến hành. Về nhận thức, các bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Ngọc T đã bán 54,4733 gam ma túy loại Methamphetamine (bán cho Nguyễn Hữu B2 49,6400 gam và bán cho T3 4,8333 gam) ngoài ra còn bán nhiều lần. Trong đó, bị cáo Lý Thanh N cùng T bán cho Nguyễn Hữu B2 49,6400 gam ma túy loại Methamphetamine và nhiều lần khác; bị cáo Nguyễn Hữu B2 mua 49,6400 gam về bán cho các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lý Thanh N, Nguyễn Hữu B2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Bị cáo Nguyễn Tiến T3 có hành vi tàng trữ 4,8333 gam ma túy loại Methamphetamine thì bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo T3 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Như vậy, Cáo trạng số 161/CT-VKSBD-P1 ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo Lý Thanh N, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hữu B2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Nguyễn Tiến T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy. Hiện nay, tội phạm về ma túy ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lý Thanh N, phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1

Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Hữu B2 phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lý Thanh N, Nguyễn Tiến T3 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo T, N khó khăn, có con còn nhỏ, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Hữu B2 tại phiên tòa thành khẩn khai báo, có chuyển biến tích cực trong nhận thức và thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo có con còn nhỏ, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo Nguyễn Hữu B2 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Qua đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật và Nhà nước mà an tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[9] Về biện pháp tư pháp:

01 (một) điện thoại di động iPhone 6 Plus của Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại Xs Max của Nguyễn Tiến T3 là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc mua bán chất ma túy do đó cần tịch thu và nộp ngân sách nhà nước;

01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng; 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 hộp giấy đã khai bên ngoài mặt có ghi thông tin người nhận tên N, số điện thoại 0937738707, địa chỉ: Đường A, T, T, tên gói hàng là mỹ phẩm; 01 hộp thuốc nhựa ghi chữ Khương Thảo Đ; 01 vỏ hộp thuốc trị xương khớp ghi Khương Thảo Đ; 02 túi nylon (đã rách) màu hồng và 01 mảnh nylon màu trắng (loại nylon chống sốc); 01 hộp giấy, 01 hộp thuốc lá hiệu Jet và 01 hộp quẹt màu xanh của Nguyễn Tiến T3 là những vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

Từ khoảng tháng 01/2023 đến tháng 10/2023, N bán ma túy cho T khoảng 03 lần/tuần, mỗi lần từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, bán cho T3 khoảng 05 lần, mỗi lần từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, bán cho B2 khoảng 03 lần mỗi lần từ 8.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng. N khai thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy khoảng 15.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử Áp dụng điểm b Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Lý Thanh N nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Từ khoảng tháng 02/2023 đến tháng 11/2023, T bán ma túy cho T3 khoảng 02 lần, mỗi lần từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng, bán cho các đối tượng khác không xác định được lai lịch nhiều lần, giúp N bán ma túy cho B2 01 lần với giá 16.000.000 đồng, T khai thu lợi bất chính khoảng 25.000.000 đồng. Do đó, Hội

đồng xét xử áp dụng điểm b Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Do các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Lý Thanh N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các tình tiết khác đối với các bị cáo cũng như về xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, riêng đối với bị cáo Nguyễn Hữu B2 tại phiên tòa thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, có sự chuyển biến về nhận thức, thể hiện sự ăn năn nên Hội đồng xét xử áp dụng một mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[11] Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất có thể trong khung hình phạt mà pháp luật quy định, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và Nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải là phù hợp nên được chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Thanh N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở nên được chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu B2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thái độ của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo có sự nhận thức lại vấn đề, có sự chuyển biến trong nhận thức và đã khai báo rất thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải có sự chuyển biến, đồng thời bị cáo có con còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo một mức án nhẹ nhất theo quy định của pháp luật là có cơ sở nên được chấp nhận.

[12] Đối với ông Ưông Văn T6 là nhân viên giao nhận hàng không biết trong gói hàng giao cho Nguyễn Tiến T3 có ma túy nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[13] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 46, Điều 55 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136, 292, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lý Thanh N 18 (mười tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2022/HS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo Lý Thanh N phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 21 (hai mươi một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2023, được khấu trừ thời hạn đã bị tạm giam trong bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 18 (mười tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu B2 16 (mười sáu) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng của bản án số 137/2024/HS-ST ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu B2 chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 19 (mười chín) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T3 04 (bốn) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động iPhone 6 Plus của Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại Xs Max của Nguyễn Tiến T3;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng; 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 hộp giấy đã khai

bên ngoài mặt có ghi thông tin người nhận tên N, số điện thoại 0937738707, địa chỉ: đường A, T, T, tên gói hàng là mỹ phẩm; 01 hộp thuốc nhựa ghi chữ Khương Thảo Đ; 01 vỏ hộp thuốc trị xương khớp ghi Khương Thảo Đ; 02 túi nylon (đã rách) màu hồng và 01 mảnh nylon màu trắng (loại nylon chống sốc); 01 hộp giấy, 01 hộp thuốc lá hiệu Jet và 01 hộp quẹt màu xanh của Nguyễn Tiến T3;

- Buộc bị cáo Lý Thanh N phải nộp số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy.

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy.

3. Về án phí: buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lý Thanh N, Nguyễn Hữu B2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.